



**PHÁT TRIỂN VÀ THỬ NGHIỆM KHUNG CHỈ SỐ GIÁM
SÁT TÁC ĐỘNG CỦA VPA-FLEGT ĐỐI VỚI DOANH
NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ NGÀNH GỖ Ở VIỆT NAM**

CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH VÀ KHUYẾN NGHỊ

Phát triển và thử nghiệm khung chỉ số giám sát tác động của VPA-FLEGT đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành gỗ ở Việt Nam. Các phát hiện chính và khuyến nghị

Ảnh bìa: Một doanh nghiệp chế biến gỗ được khảo sát bởi SRD (Tháng 2 năm 2020)

Miễn trừ trách nhiệm:

Nghiên cứu này được thực hiện như một phần của Dự án “Lâm nghiệp, Quản trị, Thị trường và Khí hậu (FGMC)”, tài trợ bởi Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) thông qua Fern, và được thực hiện bởi Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD) cùng với chuyên gia Nguyễn Việt Dũng, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), Liên hiệp các hội khoa học-kỹ thuật tỉnh Phú Thọ (PUSTA), Trung tâm Phát triển Nông thôn miền Trung (CRD), Trung tâm Môi trường và Tài nguyên sinh học tỉnh Nghệ An (CEBR), và Phạm Đức Thiêng, Vietnam SmE Facilitator to the EU FLEGT Facility. Ấn phẩm này đã được sản xuất với sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu (EU). Các quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của SRD, Fern, DFID hoặc EU.

Trích dẫn đề xuất:

Nguyễn Việt Dũng, Nguyễn Thanh Hiền, Vũ Thị Bích Hợp, 2020. *Phát triển và thử nghiệm khung chỉ số giám sát tác động của VPA-FLEGT đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành gỗ ở Việt Nam. Các phát hiện chính và khuyến nghị*. Trung tâm Phát triển Nông thôn bền vững (SRD), Việt Nam.

Lời cảm ơn:

Các tác giả xin chân thành cảm ơn dự án FGMC của DFID đã tài trợ cho nghiên cứu này. Chúng tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến các tổ chức: Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), các tổ chức thuộc Mạng lưới VNGO-FLEGT là Liên hiệp các hội khoa học-kỹ thuật tỉnh Phú Thọ (PUSTA), Trung tâm Phát triển Nông thôn miền Trung (CRD), Trung tâm Môi trường và Tài nguyên sinh học tỉnh Nghệ An (CEBR), Phạm Đức Thiêng, Vietnam SmE Facilitator to the EU FLEGT Facility đã cùng đóng góp các thông tin có giá trị của họ cho báo cáo.



Fern

Bruxelles, Belgique

www.fern.org

Sustainable Rural Development

Ha Noi, Viet Nam

www.srd.org.vn

VNGO Flegt

www.vngo-cc.vn

Ấn phẩm này đã được sản xuất với sự hỗ trợ của Liên minh Châu Âu và Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh. Nội dung của ấn phẩm này là trách nhiệm duy nhất của tác giả và không có cách nào có thể được thực hiện để phản ánh quan điểm của Liên minh châu Âu hoặc Chính phủ Vương quốc Anh.



Nội dung

Bối cảnh, mục tiêu	4
Một số kết quả chính và phát hiện ban đầu từ kết quả giám sát thử nghiệm	6
Phần lớn DNVVN trong ngành gỗ Việt Nam là các công ty trách nhiệm hữu hạn.	6
Gần 50% lãnh đạo DNVVN không biết [hoặc chưa hề biết] đến yêu cầu đánh giá rủi ro và phân loại doanh nghiệp;	7
Phần lớn các DNVVN tự đánh giá họ đã thực hiện tốt các quy định pháp luật và chính sách đối với lao động nữ,	8
DNVVN ghi nhận có phát sinh chi phí để cải thiện và tăng cường khả năng thích ứng, tuân thủ của doanh nghiệp với yêu cầu và thực hành về cung ứng gỗ hợp pháp.	9
Kết quả và kiến nghị	10
Về hoàn thiện công cụ và thể chế hợp tác thực hiện giám sát tác động của VPA	10
Về thúc đẩy DNVVN tham gia hiệu quả, hướng đến thực hiện đầy đủ mục tiêu VPA	11
Tài liệu tham khảo	12



Bối cảnh, mục tiêu

Hiệp định Đối tác Tự nguyện về Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (VPA-FLEGT) giữa Chính phủ Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) đã bắt đầu có hiệu lực thực hiện từ tháng 6/2019, đặt dấu mốc quan trọng về thành tựu của quá trình đàm phán giữa hai bên được bắt đầu từ năm 2010. Là một trong 15 quốc gia trên toàn cầu, và trong 5 quốc gia ở Châu Á tham gia đàm phán, thực hiện Hiệp định VPA, Việt Nam và EU cùng cam kết hướng đến mục tiêu quản lý bền vững tất cả mọi loại rừng thông qua xây dựng và thực hiện khung pháp lý nhằm đảm bảo tất cả sản phẩm gỗ từ Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU được sản xuất hợp pháp, từ và bằng nguồn gỗ hợp pháp.

Để triển khai thực hiện Hiệp định, hai bên đã thành lập một Ủy ban Thực thi Chung (JIC) do lãnh đạo Bộ NN-PTNT và Phái đoàn EU tại Việt Nam đồng chủ trì, có chức năng quản lý, giám sát và đánh giá việc thực thi Hiệp định. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của JIC là thúc đẩy đối thoại và trao đổi thông tin, xem xét giải quyết bất kỳ các vấn đề nào do một bên đưa ra, kể cả từ Nhóm nông cốt đa bên về thực thi VPA (MSCG) – một thiết chế tham gia của các bên liên quan tại Việt Nam gồm các đại diện của Tổng cục Lâm nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp gỗ, tổ chức xã hội nghề rừng, tổ chức phi chính phủ, cơ quan nghiên cứu và đối tác phát triển. Một số tổ chức thành viên của MSCG đến từ Mạng lưới tổ chức phi chính phủ Việt Nam về Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại lâm sản (VNGO-FLEGT) với mối quan tâm chính về cơ chế giám sát thực hiện và tác động của VPA đối với các nhóm được cho là có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi Hiệp định thời gian đầu, như hộ trồng rừng, doanh nghiệp ngành gỗ quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa.

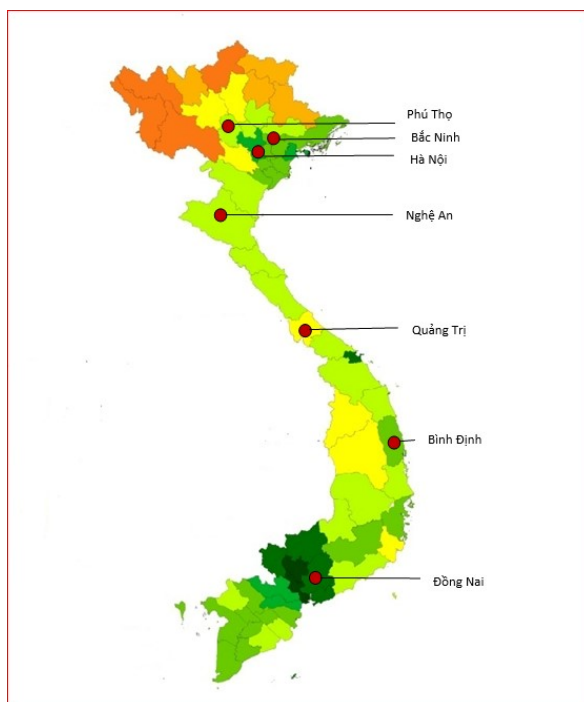
Văn bản Hiệp định không cung cấp các hướng dẫn cụ thể về giám sát tác động, nhưng Khung Thực thi Chung (JIF) cho thấy JIC có trách nhiệm thực hiện Điều 15 để Việt Nam “*sẽ có một cơ chế giám sát việc thực thi Hiệp định này*” và đảm bảo thực hiện giám sát “*một cách minh bạch cùng với sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm các tổ chức phi chính phủ, hiệp hội lâm nghiệp, tổ chức công đoàn, cộng đồng địa phương*”. Theo Phụ lục IX, tác động trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường của việc thực thi Hiệp định sẽ phải được giám sát và đánh giá (M&E), và dựa vào đó, quyết định các biện pháp phù hợp để giảm thiểu bất kỳ tác động tiêu cực nào có thể phát sinh đối với các nhóm dân tộc thiểu số và cộng đồng địa phương liên quan, các hộ gia đình và ngành công nghiệp gỗ như cam kết tại Điều 16 của Hiệp định.

Bối cảnh trên đã thúc đẩy Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD) – tổ chức điều phối Mạng lưới VNGO-FLEGT – quyết định lựa chọn phát triển và thử nghiệm khung giám sát tác động của VPA đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) ngành công nghiệp gỗ (CNG) của Việt Nam. Thực hiện trong khuôn khổ dự án Rừng, Quản Trị, Thị trường và Khí hậu (FGMC) do DFID tài trợ (2018 -2021), sáng kiến này hướng đến xây dựng năng lực và thể chế tham gia cho các tổ chức xã hội và các hiệp hội gỗ về giám sát và đánh giá tác động của VPA-FLEGT ở Việt Nam.

Khung giám sát được phát triển gồm 10 tiêu chí và 25 chỉ số thuộc 03 nhóm tác động, bao gồm:

- ✓ Mức độ tiếp cận thông tin, đáp ứng và sẵn sàng tuân thủ quy định cung ứng gỗ hợp pháp của DNVVN, gồm 06 tiêu chí và 11 chỉ số;
- ✓ Thay đổi sản xuất, thị trường và hiệu quả kinh doanh của DNVVN, gồm 03 tiêu chí và 07 chỉ số;
- ✓ Thay đổi về quản trị và chính sách lâm nghiệp địa phương nhằm thúc đẩy thương mại gỗ hợp pháp, gồm 01 tiêu chí và 07 chỉ số.

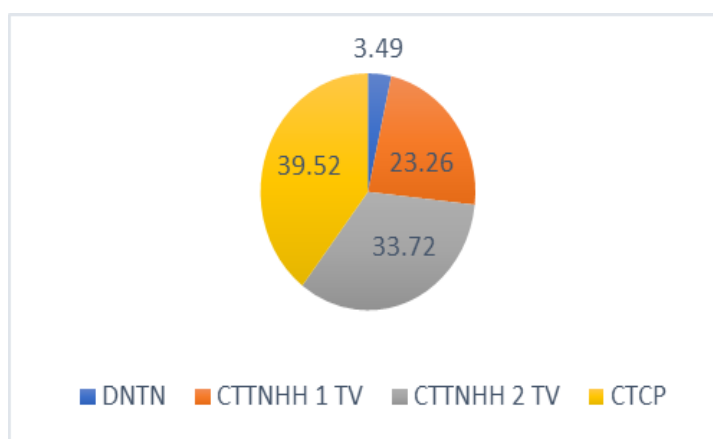
Đã có 86 DN vừa và nhỏ tham gia thử nghiệm khung giám sát. Các DN tham gia nghiên cứu phân bố trên năm vùng địa lý của cả nước. Vùng đồng bằng Sông Hồng có hai tỉnh tham gia là Hà Nội và Bắc Ninh, vùng Đông Bắc là tỉnh Bắc Ninh, vùng Bắc Trung Bộ là tỉnh Nghệ An và tỉnh Quảng Trị, vùng Nam Trung Bộ là tỉnh Bình Định, và cuối cùng vùng Đông Nam Bộ là tỉnh Đồng Nai.



Một số kết quả chính và phát hiện ban đầu từ kết quả giám sát thử nghiệm

1. Phần lớn DNVVN trong ngành gỗ Việt Nam là các công ty trách nhiệm hữu hạn.

Trong 86 DNVVN được điều tra thì có đến 57% đơn vị tham gia là công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó có 20 công ty TNHH một thành viên và 29 công ty TNHH hai thành viên; 39,5% là công ty cổ phần với 34 đơn vị; và một số lượng nhỏ DNTN.



2. Gần 70% số DNVVN mà lãnh đạo doanh nghiệp đã có ít nhất 01 lần được tiếp nhận thông tin về gỗ hợp pháp, cung ứng gỗ hợp pháp thông qua các sự kiện hoặc tài liệu liên quan đến VPA-FLEGT mà họ được tiếp cận.

Tuy nhiên, trong số này, có đến 75% tự đánh giá rằng mức độ hiểu biết hiện tại của họ về VPA là rất kém đến trung bình. Hay nói cách khác, hơn 30% số DNVVN khảo sát cho biết chưa khi nào lãnh đạo hoặc cán bộ nòng cốt của doanh nghiệp được thông tin hoặc học hỏi về các nội dung của Hiệp định VPA-FLEGT. Số lượt tiếp cận thông tin về VPA-FLEGT của DN tại các tỉnh Bắc Ninh, Bình Định, Quảng Trị thường cao hơn các tỉnh khác. Kết quả này khá phù hợp với vai trò và tham gia tích cực các hội/hiệp hội như VIFOREST, FPA-Bình Định, Hội đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ (Bắc Ninh) trong nỗ lực kết nối và thúc đẩy doanh nghiệp, làng nghề tham gia các sự kiện trong quá trình đàm phán VPA-FLEGT;

3. Gần 50% lãnh đạo DNVVN không biết [hoặc chưa hề biết] đến yêu cầu đánh giá rủi ro và phân loại doanh nghiệp;

Trong khi đó một số doanh nghiệp tại Đồng Nai, Bình Định, Nghệ An và Quảng Trị cho biết đã thực hiện đánh giá rủi ro, và trong số này hơn 40% cho kết quả “vẫn còn rủi ro” với rủi ro chính là không tuân thủ hoặc chưa nhận thức được yêu cầu “Tuân thủ các bằng chứng động về kiểm soát chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo rằng chỉ có gỗ hợp pháp đi vào chuỗi cung ứng”. Có thể thấy DNVVN tại Đồng Nai, Bình Định, Quảng Trị thực hiện việc đánh giá rủi ro sớm hơn so với các DN khác, điều này cho thấy việc được tiếp cận các thông tin về VPA-FLEGT là một trong những nhân tố cơ bản giúp các DNVVN chủ động tiến hành đánh giá rủi ro;

4. Đến cuối năm 2019, hơn 50% DNVVN đã chủ động điều chỉnh về nguyên liệu gỗ đầu vào để né tránh rủi ro từ nguồn gỗ bất hợp pháp,

Chủ yếu là các doanh nghiệp ở Bình Định và Đồng Nai – là những trung tâm chế biến gỗ, nơi tỷ lệ lãnh đạo DNVVN tự đánh giá có hiểu biết tốt về VPA-FLEGT cao hơn hẳn các địa bàn khác. Các điều chỉnh đó bao gồm thay đổi nguồn cung, chủng loại gỗ và địa bàn cung ứng gỗ, và được xem là kết quả từ việc thực thi, tuân thủ các quy định của Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT về quản lý nguồn gốc và truy xuất lâm sản;

5. Gần 60% số DNVVN cho biết đã thực hiện các điều chỉnh hoặc sắp xếp lại cơ cấu quản lý hoặc chức năng của các bộ phận sản xuất kinh doanh

Để đáp ứng tuân thủ các quy định và thực hành cung ứng gỗ hợp pháp, trong đó số đông các doanh nghiệp đã điều chỉnh ở khâu tổ chức cung ứng nguyên liệu, và tiếp đó là giám sát chất lượng, quản lý hành chính và an toàn lao động. Tỷ lệ doanh nghiệp tự nhân tiến hành điều chỉnh cao hơn loại hình doanh nghiệp khác;

6. Phần lớn các DNVVN tự đánh giá họ đã thực hiện tốt các quy định pháp luật và chính sách đối với lao động nữ,

Nhất là về trả lương, thời gian làm việc, chế độ thai sản, các chế độ bảo hiểm và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tuy nhiên, một số nội dung khác cần được cải thiện, là tình trạng xếp hạng ở mức trung bình và kém vẫn chiếm tỷ lệ tương đối cao như: chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm; học tập nâng cao tay nghề; đóng bảo hiểm thất nghiệp và bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm xã hội; và đảm bảo an toàn vệ sinh lao động;

7. Hơn 55% số DNVVN cho biết họ đã có quyết định hoặc lên kế hoạch rà soát công tác quản lý, lưu trữ thông tin, hồ sơ gỗ.

Với những doanh nghiệp đã thực hiện, sau rà soát họ đã triển khai các điều chỉnh hoặc thay đổi cần thiết, chủ yếu về: thực hiện chuẩn hóa quy trình quản lý thông tin/hồ sơ gỗ theo từng chuỗi cung ứng; bổ sung các biểu mẫu và thủ tục theo yêu cầu cho đầy đủ để tạo thuận lợi cho xác minh, kiểm tra; củng cố chế độ cập nhật/báo cáo thông tin; và bố trí, phân công lại nhân lực liên quan đến quản lý thông tin/hồ sơ gỗ. Khảo sát cũng cho thấy 43% DNVVN đã có hành động hoặc kế hoạch ứng dụng công nghệ để quản lý thông tin, dữ liệu chuỗi cung ứng như trang bị phần mềm quản lý dữ liệu gỗ và sản phẩm; biểu mẫu trực tuyến; nhưng chưa có đơn vị nào ứng dụng công nghệ trên thiết bị di động;

Một xưởng sản xuất gỗ trong doanh nghiệp. Ảnh SRD



8. DNVVN ghi nhận có phát sinh chi phí để cải thiện và tăng cường khả năng thích ứng, tuân thủ của doanh nghiệp với yêu cầu và thực hành về cung ứng gỗ hợp pháp.

Các chi phí đó chủ yếu liên quan đến tiếp cận thị trường/khách hàng cung cấp hoặc tiêu thụ sản phẩm gỗ hợp pháp (57%); cải thiện trang bị phòng chống cháy (52%); gia tăng nhân sự quản lý, sản xuất, giám sát (51%); cải thiện bảo vệ môi trường, quản lý và xử lý phế liệu, chất thải (48%); đầu tư đổi mới, chuyển giao công nghệ sản xuất (45%), chi phí vận tải (39%); và quản lý hồ sơ-dữ liệu cung ứng (37%);

9. Vẫn còn những rủi ro từ gỗ nhập khẩu. DNVVN chủ yếu sử dụng gỗ nguyên liệu từ 02 nguồn chính

Cho sản xuất chế biến là gỗ rừng trồng tập trung trong nước (55%) và gỗ nhập khẩu (gỗ thịt, ván công nghiệp; 38%). Tỷ lệ gỗ mà doanh nghiệp mua lại sau xử lý tịch thu rất nhỏ (0,06%) cho thấy mức độ liên quan giữa DNVVN với nguồn gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp này rất thấp. Đối với gỗ có nguồn gốc nhập khẩu mà DNVVN sử dụng chủ yếu đến từ Hoa Kỳ, Malaysia, Brazil, Nam Phi và Uruguay; trong khi đó chỉ có số lượng nhỏ DNVVN có sử dụng gỗ nhập khẩu từ một số quốc gia được cho là có nguy cơ rủi ro về tính hợp pháp như Solomon, Cameroon, Congo và Lào;

10. Chỉ có một tỷ lệ nhỏ DNVVN (gần 13%) đã thiết lập và vận hành mối liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp và hộ trồng rừng,

Vì thế cộng đồng địa phương hoặc hộ trồng rừng có ít cơ hội được tiếp cận thông tin và thực hành về QLRBV, chứng chỉ rừng hoặc gỗ hợp pháp. Thực trạng này có thể làm gia tăng rủi ro nguồn cung bất hợp pháp do một tỷ lệ đáng kể DNVVN (khoảng 30%) vận hành thu mua gỗ nguyên liệu từ các đại lý trung gian tại các địa phương;

11. Thông tin về DNVVN có thể tiếp cận được từ nhiều nguồn khác nhau, nhưng không có sự đảm bảo về độ tin cậy, đầy đủ và tính chính thống, ngoại trừ các báo cáo định kỳ mà doanh nghiệp phải trình cho cơ quan có thẩm quyền, làm cho việc tiếp cận của các bên quan tâm cũng khó khăn hơn.

Các thông tin có thể tiếp cận được chủ yếu thông tin chung; còn các thông tin hỗ trợ cho giám sát, xác minh, kiểm tra như kết quả sản xuất-kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ thuế-phí với nhà nước, trách nhiệm môi trường-xã hội, hoặc tình trạng vi phạm thì không đến 20% doanh nghiệp có cơ chế công khai;

Kết luận và kiến nghị

Mức độ tiếp cận thông tin liên quan đến các quy định được nêu ra trong VPA-FLEGT có sự khác nhau rất lớn giữa các DN ở các tỉnh khác nhau. Lãnh đạo DN tiếp cận và hiểu được đầy đủ các yêu cầu của VPA-FLEGT sẽ có những điều chỉnh quan trọng nhằm tăng cường khả năng thích ứng, tuân thủ của doanh nghiệp với yêu cầu và thực hành về cung ứng gỗ hợp pháp. Việc điều chỉnh để đảm bảo cung ứng gỗ hợp pháp cũng dẫn đến một số phát sinh chi phí cho DN. Để giám sát đầy đủ các tác động của VPA-FLEGT đối với các DN cũng như thúc đẩy DNVVN tham gia và thực hiện đầy đủ VPA-FLEGT, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị như sau:

1. Về hoàn thiện công cụ và thể chế hợp tác thực hiện giám sát tác động của VPA

✓ Khung chỉ số giám sát tác động của VPA-FLEGT đối với DNVVN ngành CNCBG cùng kết quả khảo sát ban đầu là những sản phẩm thử nghiệm đầu tiên của VNGO-FLEGT và dự án FGMC hướng đến thực hiện Điều 15 của Hiệp định. Vì vậy, có thể giới thiệu, chia sẻ kết quả này cho Nhóm nông cốt đa bên về VPA-FLEGT của Việt Nam, JIC, các Hiệp hội chế biến gỗ-lâm sản và các bên quan tâm khác;

✓ Mạng lưới VNGO-FLEGT cần tiếp tục tham vấn các bên liên quan để hoàn thiện Khung chỉ số giám sát tác động, phát triển và bổ sung các biểu mẫu thu thập thông tin với các nhóm đối tượng khác như cộng đồng, chính quyền địa phương; cân nhắc và lựa chọn các phương án, cơ chế tổ chức thực hiện giám sát tác động của VPA-FLEGT theo hình thức độc lập bởi tổ chức xã hội như VNGO-FLEGT hoặc tiếp tục thử nghiệm hợp tác giữa VNGO-FLEGT với các hiệp hội doanh nghiệp gỗ;

✓ JIC và các cơ quan liên quan của Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng một cơ chế giám sát việc thực thi Hiệp định VPA-FLEGT cần có cơ chế và khung giám sát trong đó đảm bảo sự tham gia của các tổ chức xã hội

2. Về thúc đẩy DNVVN tham gia hiệu quả, hướng đến thực hiện đầy đủ mục tiêu VPA

✓ Cần đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, xuất bản, tập huấn, đào tạo, nhằm đảm bảo các DNVVN được hỗ trợ học hỏi, đối thoại để có đủ hiểu biết và cải thiện năng lực tuân thủ hệ thống quy định về gỗ hợp pháp và các yêu cầu thực hiện của Hiệp định VPA và pháp luật Việt Nam;

✓ Các Dự án như FGMC cần đẩy mạnh xuất bản ấn phẩm nhỏ (tờ rơi, sổ tay hoặc tài liệu tham khảo) để giới thiệu về ý nghĩa hoặc sự cần thiết của hoạt động giám sát tác động VPA-FLEGT đối với DNVVN và hộ trồng rừng, cộng đồng địa phương, đại lý mua bán gỗ, làng nghề, cũng như cung cấp nội dung giám sát để các doanh nghiệp làm quen, nâng cao hiểu biết, và từng bước quan tâm, ủng hộ, tham gia hoạt động này trong tương lai;

✓ Việc giám sát tác động của Hiệp định đối với các DNVVN cần có sự hợp tác chặt chẽ của các tổ chức xã hội với các Hiệp hội gỗ và các cơ quan nhà nước liên quan để đảm bảo cơ chế kiểm tra giám sát là minh bạch và hiệu quả.

Sản phẩm gỗ của một doanh nghiệp được khảo sát. Ảnh SRD



Tài liệu tham khảo

Bộ NN&PTNT (2018). *Báo cáo Tổng quan ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu Việt Nam. Tài liệu phục vụ Hội nghị Định hướng, giải pháp phát triển nhanh, bền vững ngành chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu, tháng 8/2018.*

Bộ NN&PTNT (2019). *Báo cáo Ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ, lâm sản năm 2018: Thành công, bài học kinh nghiệm và giải pháp bứt phá năm 2019.* Báo cáo trình bày tại Diễn đàn ngành công nghiệp gỗ ngày 22/02/2019.

Nguyễn Tôn Quyền (2020). *Gỗ sạch cho năm 2020: Vì một ngành gỗ bền vững.* Trang tin điện tử Gỗ Việt của Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (Nguồn: <http://goviet.org.vn/bai-viet/go-sach-cho-nam-2020-vi-mot-nganh-go-ben-vung-9095>)

Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm và Trần Lê Huy (2020). *Việt Nam xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ: Thực trạng 2019 và xu hướng 2020.* VIFORES, Forest Trends, FPA BìnhDinh, BIFA, HAWA.



FAO - EU FLEGT PROGRAMME



Food and Agriculture
Organization of the
United Nations



Sweden
Sverige



Ấn phẩm này được xuất bản trong khuôn khổ Dự án “Các tổ chức xã hội giám sát tác động của Hiệp định Đối tác Tự nguyện trong bối cảnh FLEGT và REDD+” do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO) tài trợ thuộc Chương trình FAO-EU FLEGT.



Một phần kinh phí xuất bản ấn phẩm này được hỗ trợ từ Dự án “Rừng, Quản trị, Thị trường và Khí hậu” do DFID tài trợ thông qua tổ chức Fern.

Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung, tính chính xác của ấn phẩm này. Nội dung ấn phẩm không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức tài trợ cũng như SRD

Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ:

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BỀN VỮNG (SRD)

Địa chỉ: Số 56, ngách 19/9 Kim Đồng, Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: +84 4 3943 6676/78 * Fax: +84 4 3943 6449

Email: info@srd.org.vn * Website: www.srd.org.vn

Facebook: www.facebook.com/srdvietnam